Unit 1. Relationships E. Word skills

| Key Word | Phonetic Transcription | POS | Vietnamese Meaning |
|-----------------------------|-------------------------------|------|-----------------------------|
| 1. expect | /ık'spekt/ | V | mong đợi |
| 2. expectation | /_ekspek'teisn/ | n | sự mong đợi |
| 3. expected | /ık'spektıd/ | adj | được mong đợi |
| 4. unexpected | /ˌʌnɪkˈspektɪd/ | adj | bất ngờ |
| 5. enthusiasm | /ɪnˈθjuːziæzəm/ | n | sự nhiệt tình |
| 6. enthusiastic | /ɪnˌθjuːziˈæstɪk/ | adj | nhiệt tình |
| 7. enthusiast | /ɪnˈθjuːziæst/ | n | người nhiệt tình |
| 8. bring sb up | /briŋ ʌp/ | ph.v | nuôi dưỡng ai |
| 9. bring sth up | /briŋ ʌp/ | ph.v | đề cập đến |
| 10. go out with | /gəʊ aʊt wɪð/ | ph.v | hẹn hò với |
| 11. get on with sb | /get ɒn wɪð/ | ph.v | hòa hợp với ai |
| 12. put sb down | /put daun/ | ph.v | hạ thấp ai |
| 13. let sb down | /let daun/ | ph.v | làm ai thất vọng |
| 14. put up with | /put ap wið/ | ph.v | chịu đựng |
| 15. put sb through | /pot θru:/ | ph.v | kết nối ai qua điện thoại |
| 16. split up with sb | /split ap wið/ | ph.v | chia tay với ai |
| 17. get over sth/sb | /get 'əʊvə(r)/ | ph.v | vượt qua điều gì/ai |
| 18. put sb off | /put pf/ | ph.v | làm ai mất hứng |
| 19. ask sb out | /a:sk aut/ | ph.v | mời ai đi chơi, hẹn hò |
| 20. pick sb up | /pɪk ʌp/ | ph.v | đón ai |
| 21. break up | /breik Ap/ | ph.v | chia tay |
| 22. call sth off | /ko:1 pf/ | ph.v | hủy bỏ |
| 23. turn sb/sth down | /tɜːn daʊn/ | ph.v | từ chối ai/cái gì |
| 24. mess sb about/around | /mes əˈbaʊt/ əˈraʊnd/ | ph.v | làm phiền, quấy rầy ai |
| 25. finish with sb | /ˈfɪnɪʃ wɪð/ | ph.v | chấm dứt mối quan hệ với ai |
| 26. talk sb into sth | /to:k 'intu:/ | ph.v | thuyết phục ai làm gì |
| 27. run into sb | /rʌn ˈɪntuː/ | ph.v | tình cờ gặp ai |
| 28. resemble | /rɪˈzembl/ | v | giống với |

Exercise:

Fill in the blanks with one suitable word from the list:

| turn d | own, bring up, put - off, talk - | into, finish with, ca | ll off, ask - out, let sb down, run | into , get over |
|--------|----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|---------------------|
| | | | after months of waiting f | |
| | first move. | | _ | |
| 2. | After their big argument, she | decided it was time t | to him and mo | ove on. |
| 3. | The coach tried to | the player _ | , but he was determined | d to quit the team. |
| 4. | They had to | the match because | of the bad weather. | _ |
| | I didn't expect to | | | |
| 6. | Parents work hard to | their child | dren with good values and manne | ers. |
| | She's very clever but her man | | _ | |
| | | | her best friend | by missing the |
| 9. | She felt awful when she had | to | her friend's request for help. | |
| | After the breakup, it took him | | - | |